

Bản án: 131/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 6 - 2018

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HOÀ, TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Hiệp.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

2. Bà Trương Thị Kim Tiến.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 610/2018/TLST-HNGĐ ngày 4 tháng 6 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà N, sinh năm: 1957;

Địa chỉ: Ấp C, xã G, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;

2. *Bị đơn:* Ông D, sinh năm: 1955;

Địa chỉ: Ấp C, xã G, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 01/6/2018 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa bà N trình bày: Bà N và ông D chung sống với nhau vào 1984, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm vợ chồng thường xuyên cãi vã, sống không hợp nhau, ông D nhiều lần đi uống rượu về nhà đánh đập bà N. Nay bà N yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: Có 02 con chung tên H, sinh ngày 29/11/1989 và L, sinh ngày 26/6/1994. Khi ly hôn, con chung đã trưởng thành nên bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời trình bày của ông D: Ông D xác nhận lời trình bày của bà N về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung giữa ông D và bà N theo bà N trình bày là đúng. Nay bà N xin ly hôn, ông D không đồng ý vì còn thương vợ thương con.

Nếu Tòa án cho ly hôn

Về con chung: Có 02 con chung tên H, sinh ngày 29/11/1989 và L, sinh ngày 26/6/1994. Khi ly hôn, con chung đã trưởng thành nên ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà căn cứ các kết quả thẩm tra, xét hỏi tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là hôn nhân gia đình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

[1.2] Tại Tòa, bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện “Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết”. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà N tại phiên tòa ngày hôm nay là phù hợp với quy định tại Điều 5 và Điều 244 của BLTTDS nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông D chung sống với nhau vào 1984, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông D là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà N và ông D chung sống với nhau hạnh phúc năm 2004 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bắt đầu quan điểm vợ chồng thường xuyên cãi vã, sống không hợp nhau, ông D nhiều lần đi uống rượu về nhà đánh đập bà N. Nay bà N yêu cầu được ly hôn với ông D. Tại phiên tòa, bà N tha thiết xin được ly hôn với ông D. Ngược lại, ông D không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp hàn gắn được bà N chấp nhận. Mặt khác, tại phiên tòa ngày hôm nay thì bà N và ông D xác nhận hai vợ chồng đã không quan hệ vợ chồng đã 10 năm nay. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn gia đình giữa bà N và ông D đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, bà N yêu cầu được ly hôn với ông D là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Tại phiên Tòa ngày hôm nay, bà N và ông D thống nhất khai: Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên H, sinh ngày 29/11/1989 và L, sinh ngày 26/6/1994. Nếu Tòa án cho ly hôn, bà N và ông D thống nhất con chung đã trưởng thành nên bà N và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Tại phiên Tòa ngày hôm nay, bà N và ông D thống nhất khai. Nếu Tòa án cho ly hôn, bà N và ông D thống nhất tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Tại phiên Tòa ngày hôm nay, bà N và ông D thống nhất khai. Nếu Tòa án cho ly hôn, bà N và ông D thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà N không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 28, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử :

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N xin ly hôn với ông D.

Về quan hệ hôn nhân: Bà N được ly hôn với ông D.

Án này là sơ thẩm, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện
- TAND tỉnh Long An
- UBND xã P
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Hiệp